

Dung dịch thuốc

- Lỏng, trong suốt
- **Phân liều đồng nhất** (các phân tử phân tán đều)
 - phân phối chính xác khi **pha trộn** các dung dịch
 - nhưng kém chính xác trong lúc **đong**, ...
- **Đường dùng**
 - uống
 - dùng ngoài
 - tiêm
- **Chứa**
 - **Dược chất** hòa tan
 - **Dung môi** (nước, dầu, ethanol, glycerin ...)
 - **Chất phụ:**
 - Chất ổn định: (chống OXH, chống thủy phân)
 - Chất tăng tan
 - Chất bảo quản
 - Chất đệm pH
 - Chất đẳng trương
- **Cấu trúc lý hóa** (size tiểu phân)
 - dung dịch **thật** (< 1 nm)
 - dung dịch **keo** (1 - 100 nm)
 - dung dịch **cao phân tử** (> 100 nm)
- **Công thức**
 - dung dịch **dược dụng**: CT dược điển
 - dung dịch **pha theo đơn**: CT bác sĩ
- **Trạng thái tập hợp**
 - **rắn** trong lỏng
 - **khí** trong lỏng
 - **lỏng** trong lỏng

Ưu điểm

- **SKD cao**: hấp thu, tác dụng nhanh
- Dùng được cho **nhều đối tượng**: người già, em bé, hôn mê, ...
- (some) dạng dd **không kích ứng niêm mạc như dạng khô** của nó
e.g. **cloralhydrat**, **muối bromid**
- Giấu mùi vị

Nhược điểm

- Dược chất thường **kém bền** so với dạng rắn (do bị **thủy phân**, **OXH**, ... trong dung môi)
- **Container** cồng kềnh
- **Bảo quản**
 - Bao bì **tránh ánh sáng** (có thể cần)
 - Bao bì **kín**, để nơi **mát** (esp. **dung môi dễ bay hơi** như **cồn**, **ether**, ...)